

NGHỊ QUYẾT

Về thông qua mức tỷ lệ phần trăm (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất hàng năm; mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 8 (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số 8155/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thông qua mức tỷ lệ phần trăm (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất hàng năm; mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng và Báo cáo số 282/BC-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của UBND tỉnh giải trình, tiếp thu một số nội dung của dự thảo nghị quyết; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua mức tỷ lệ phần trăm (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất hàng năm; mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể:

1. Mức tỷ lệ phần trăm (%) cụ thể xác định đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá:

Khu vực	Tỷ lệ (%/năm)
Nhóm 1: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm đối với nhóm đất phi nông nghiệp, gồm:	
- Các phường (trừ trường hợp quy định về đất thuộc khu công nghiệp và đất sử dụng vào mục đích thuộc nhóm đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai của các dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư)	1,2%
- Các xã (trừ trường hợp quy định về đất sử dụng vào mục đích thuộc nhóm đất phi nông nghiệp theo quy	0,8%

định của Luật Đất đai của các dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư)	
- Đất thuộc các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh	0,8%
- Đất sử dụng vào mục đích thuộc nhóm đất phi nông nghiệp theo quy định của Luật Đất đai của các dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư	0,5%
Nhóm 2: Tỷ lệ phần trăm (%) tính đơn giá thuê đất một năm đối với nhóm đất nông nghiệp	0,5%
Nhóm 3: Đối với đất sử dụng kết hợp đa mục đích theo quy định của Luật Đất đai	Mức tỷ lệ phần trăm (%) cụ thể xác định đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá được lấy theo mục đích sử dụng đất có mức tỷ lệ % cụ thể xác định đơn giá thuê đất trả tiền hàng năm không thông qua hình thức đấu giá cao nhất quy định tại nhóm 1 và nhóm 2.

2. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm (không phải là phần ngầm của công trình xây dựng trên mặt đất) hoặc đất xây dựng công trình ngầm gắn với phần ngầm công trình xây dựng trên mặt đất mà có phần diện tích xây dựng công trình ngầm vượt ra ngoài phần diện tích đất trên bề mặt được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất cho người sử dụng đất đó:

a) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đất trả tiền hàng năm là 30% của đơn giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm có cùng mục đích sử dụng đất.

b) Tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê là 30% giá thuê đất trên bề mặt với hình thức thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê có cùng mục đích sử dụng và thời hạn sử dụng.

3. Mức tỷ lệ phần trăm (%) để tính tiền thuê đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng:

a) Đối với các thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; đất có mặt nước sử dụng vào mục đích sản xuất nông

nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản; đất có mặt nước sử dụng làm mặt bằng sản xuất kinh doanh của dự án thuộc lĩnh vực khuyến khích đầu tư, lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư tính bằng 20% của đơn giá thuê hàng năm hoặc đơn giá thuê một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước;

b) Đối với trường hợp không thuộc phạm vi nêu trên là 50% của đơn giá thuê hàng năm hoặc đơn giá thuê một lần cho cả thời gian thuê của loại đất có vị trí liền kề với giá định có cùng mục đích sử dụng đất và thời hạn sử dụng đất với phần diện tích đất có mặt nước.

Điều 2. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này bãi bỏ các Nghị quyết:

1. Nghị quyết số 348/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng (cũ) thống nhất mức tỷ lệ (%) cụ thể để xác định đơn giá thuê đất hàng năm; mức tỷ lệ (%) để tính tiền thuê đối với đất xây dựng công trình ngầm, công trình ngầm nằm ngoài phần không gian sử dụng đất đã xác định cho người sử dụng đất, đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

2. Nghị quyết số 74/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) về thông qua việc ban hành quy định mức tỷ lệ phần trăm tính đơn giá thuê đất, mức đơn giá thuê đất đối với đất được Nhà nước cho thuê để xây dựng công trình ngầm, mức đơn giá thuê đất đối với đất có mặt nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng khoá X, Kỳ họp thứ 8 (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 30 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh Lâm Đồng;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh Lâm Đồng;
- BTT UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh Khóa X;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường, đặc khu;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Lâm Đồng;
- Trung tâm hạ tầng và công nghệ số tỉnh;
- Trung tâm LTLS tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh Lâm Đồng;
- Trang Thông tin điện tử cơ quan (đăng tải);
- Lưu: VT, HSKH.



CHỦ TỊCH

Lưu Văn Trung